TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13-7-2020

"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Trọng Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hạnh.

2. Bà Võ Lệ Huyền.

-*Thư ký phiên tòa*: Bà Tạ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1974.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 86, ấp LĐ, xã Xà Bang, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Chổ ở hiện nay: Tổ 86, ấp LĐ, xã Xà Bang, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Anh Vũ Quang H, sinh năm 1973.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 86, ấp LĐ, xã Xà Bang, huyện Châu Đức, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Chổ ở hiện nay: Tổ 86, ấp LĐ, xã Xà Bang, huyện Châu Đức, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

(Chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh H vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày: Sau khi tìm hiểu nhau được một thời gian thì chị Lê Thị T và anh Vũ Quang H đi đến tổ chức đám cưới vào năm 1996. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 01 năm 1996 tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn Nông Trường Phúc Do, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thởi gian thì đến cuối năm 2016 bắt đầu phát nhiều sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau thường xuyên cải vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mặc dù vợ chồng sống chung một nhà nhưng không nói chuyện với nhau. Từ cuối năm 2016 đến nay vợ chồng vẫn không hàn gắn được tình cảm mà cứ để mặc cho nó kéo dài.

Sau thời gian sống ly thân chị T xét thấy sau nhiều cố gắn đoàn tụ nhưng tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài gây ảnh hưởng đến đời sống chung của vợ chồng và con chung nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giải quyết các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Vũ Quang H.

Về nuôi con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là Vũ Thị Linh Ch, sinh năm 1998; Vũ Lê Quang H1, sinh ngày: 11/8/2006. Hiện cháu Ch đã trưởng thành, còn cháu H1 được chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay chị T yêu cầu tiếp tục nuôi cháu H1 và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp nếu cháu H1 có nguyện vọng sống với anh H thì chị T cũng đồng ý giao cho anh H nuôi chị T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Vũ Quang H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do vì vậy không thể lấy lời khai và tiến hành hòa giải được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân

sự; Bị đơn không thực hiện đúng phần quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về nuôi con chung:

Chị Lê Thị T và anh Vũ Quang H có 02 con chung là Vũ Thị Linh Ch, sinh năm 1998; Vũ Lê Quang H, sinh ngày: 11/8/2006. Cháu Ch đã trưởng thành, giao cháu Vũ Lê Quang H1, sinh ngày: 11/8/2006. Giao cháu H1 cho ông Vũ Quang H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Lê Thị T không phải phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị T và anh H sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nay chị T yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của anh H là ấp LĐ, xã Xà Bang, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị T vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh H trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 10 tháng 01 năm 1996 tại UBND thị trấn Nông Trường Phúc Do, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, theo chị T nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cải vã cuộc sống không hạnh phúc. Từ đó tuy vợ chồng cùng sống chung một nhà nhưng không ai nói chuyện với ai, không ai quan tâm chăm sóc cho nhau. Vợ chồng cũng không có biện pháp gì để hàn gắn lại hạnh phúc gia đình. Vì vậy cho chị T xét thấy cuộc sống vợ chồng lạnh nhát, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, nên yêu cầu được ly hôn với anh H.

Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của chị T, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh H để làm việc và hoà giải về quan hệ hôn nhân, nhưng anh H vẫn cố tình không đến không lý do, điều đó chứng tỏ anh H không có thiện chí để đoàn tụ với chị T để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nuôi dạy con chung. Ngoài ra theo kết quả xác minh thì mâu thuẫn giữa chị T và anh H là có thật đã xảy ra từ giữa năm 2016 và ly thân cho đến nay. Ngoài ra từ khi vợ chồng ly thân đến nay thời gian đã lâu nhưng cũng không có biện pháp gì để hàn gắn lại hạnh phúc gia đình.

Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H ngày càng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn với anh H.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh H có 02 con là Vũ Thị Linh Ch, sinh năm 1998; Vũ Lê Quang H1, sinh ngày: 11/8/2006. Cháu Ch đã trưởng thành, chị Lê Thị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp cháu H1 có nguyện vọng chung sống với anh H, chị T cũng đồng ý giao cho anh H nuôi dưỡng và chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy từ khi vợ chồng ly thân cháu H được chị T và anh H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, vì vợ chồng vẫn sống chung một nhà. Quá trình chung sống cháu H1 cũng phát triển bình thường như bao đứa trẻ khác. Nay cháu H1 lại có nguyện vọng được sống với anh H. Vì vậy nghĩ để anh H tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cho cháu là phù hợp. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Vũ Quang H.

2. Về nuôi con chung: Chị T và anh H có 02 con là Vũ Thị Linh Ch, sinh năm 1998; Vũ Lê Quang H1, sinh ngày: 11/8/2006. Cháu Ch đã trưởng thành, Giao cháu Vũ Lê Quang H1, sinh ngày: 11/8/2006 cho Vũ Quang H tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) mà chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0004077 ngày 04 tháng 02 năm 2020; Chị Lê Thị T đã nộp xong án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13-7-2020) các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xin xét xử phúc thẩm, đối với các đương sự vắng mặt được tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi gởi:
- TAND Tỉnh BR- VT;
- VKSND H.CĐ;
- Các Đương sự;
- THADS H.CĐ;
- UBND TT Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

ĐÀO TRỌNG HẢI

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa**